

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH



QUY CHẾ

Trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý công ty

(Ban hành kèm theo QĐ số: 1690/QĐ-ĐSPK của Hội đồng quản trị)

Khánh hòa, tháng 10 năm 2016

Số: 1690 /QĐ-ĐSPK

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Quy chế

Trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý công ty

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT PHÚ KHÁNH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, góp vốn chi phối của Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 30/12/2015,

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 20/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này **Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý công ty** của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty, Trưởng các phòng/ban chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- ĐU, Ban KS Cty;
- CĐ, Đoàn TN Cty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang

QUY CHẾ

Trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý

Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh

(Ban hành theo Quyết định số: 1690/QĐ-ĐSPK ngày 25 tháng 10 năm 2016
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát và Kế toán trưởng công ty (sau đây gọi chung là Người quản lý công ty chuyên trách).

2. Thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát không chuyên trách của Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh (sau đây gọi chung là Người quản lý công ty không chuyên trách).

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Tiền lương đối với Người quản lý công ty được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát và có không chế mức tối đa. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì chỉ được hưởng tiền lương của chức danh cao nhất.

2. Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý công ty được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của Người lao động do công ty xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh và được thuyết minh chi tiết trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Tiền thưởng của Người quản lý công ty được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát, được chi trả vào cuối năm.

4. Tiền lương và thu nhập hàng tháng của Người quản lý Công ty được ghi vào sổ lương theo quy định tại Thông tư số 15/LĐTĐ-BHXH-TT ngày 10/4/1997 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Chương II QUỸ TIỀN LƯƠNG VÀ TRẢ LƯƠNG QUẢN LÝ CHUYÊN TRÁCH

Điều 4. Quỹ lương kế hoạch

1. Quỹ lương kế hoạch của Người quản lý công ty chuyên trách được xác định như sau:

$$Q_{khql} = L_{nqlbq} \times TL_{bqkh} \times 12 \text{ tháng} \quad (1)$$

Trong đó:

- Q_{khql} : Quỹ tiền lương kế hoạch năm;
- L_{nqlbq} : Số người quản lý công ty chuyên trách thực tế tính bình quân theo tháng;
- TL_{bqkh} : Tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý công ty chuyên trách, được xác định theo quy định tại Khoản 2 điều này.

2. Mức tiền lương bình quân kế hoạch (TL_{bqkh}) của Người quản lý công ty chuyên trách được xác định trên cơ sở mức lương bình quân thực hiện năm trước liền kề gắn với việc bảo toàn và phát triển vốn của công ty, bảo đảm tiền lương và thu nhập của người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người lao động, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch.

Điều 5. Phân phối tiền lương

1. Tạm ứng tiền lương

Căn cứ vào quỹ tiền lương kế hoạch được xác định tại Điều 4 quy chế này, Người quản lý công ty được tạm ứng 80% tiền lương kế hoạch.

$$Q_{tur} = 80\% Q_{khql} \quad (2)$$

Trong đó:

- Q_{tur} : Quỹ lương tạm ứng năm;
- Q_{khql} : Quỹ tiền lương kế hoạch.

2. Phân phối tiền lương

Căn cứ quỹ tiền lương tạm ứng hàng tháng (Q_{tur}), tiền lương của mỗi cá nhân được tính như sau:

$$T_i = T1_i + T2_i \quad (3)$$

Trong đó:

- T_i : Tiền lương của người thứ i được nhận;
- $T1_i$: Tiền lương chế độ theo hệ số lương của người thứ i ;
- $T2_i$: Tiền lương theo công việc được gắn với mức độ phức tạp, tính trách nhiệm của công việc đòi hỏi, mức độ hoàn thành công việc và số ngày công thực tế đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của cá nhân đối với Công ty.

a) Tiền lương chế độ ($T1_i$):

$$T1_i = \frac{HSL \times TL_{cty}}{Ncd} \times N_{ti} \quad (4)$$

Trong đó:

- HSL: Hệ số lương chức vụ của người thứ i ;
- TL_{cty} : Mức lương Công ty;

(Tại thời điểm xây dựng quy chế, $TL_{cty} = 3.100.000$ đ/tháng);

- Ncd: Số ngày công làm việc theo chế độ quy định trong tháng;

- Nti: Bao gồm các ngày: làm việc tại cơ quan, đi công tác, học tập ở trong nước và ngoài nước được công ty cử (trừ trường hợp có quy định riêng); nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ bù, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ do TNLĐ,...

b) Tiền lương công việc (T2i):

$$T2i = \frac{Q_{cv}}{m \sum_{i=1}^{m} ni \cdot hi} \times ni \cdot hi \quad (5)$$

Trong đó:

- Q_{cv} : Là quỹ tiền lương sau khi đã trả lương chế độ cho Người quản lý Công ty.

$$Q_{cv} = Q_{turt} - Q_{cd} \quad (6)$$

- Q_{turt} : Quỹ tiền lương tạm ứng tháng ($Q_{turt} = Q_{tur}$ chia (:) 12 tháng);

- Q_{cd} : Quỹ tiền lương chế độ của Người quản lý công ty chuyên trách:

$$Q_{cd} = \sum_{i=1}^m T1i \quad (7)$$

- $T1i$: Tiền lương chế độ của người thứ i , tính theo công thức (4);

- ni : Số ngày công thực tế của người thứ i ;

- hi : Hệ số tiền lương hoặc phụ cấp trách nhiệm ứng với công việc được giao, mức độ phức tạp, tính trách nhiệm của công việc đòi hỏi và mức độ hoàn thành công việc của người thứ i ;

- m : Số thành viên quản lý công ty chuyên trách.

c) Cách xác định ngày công thực tế (ni):

Ngày công thực tế (ni) của mỗi người để tính $T2i$ theo công thức (5): Trừ những ngày nghỉ phép, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ tai nạn lao động, nghỉ hưởng chế độ do BHXH trả, còn các ngày công khác đều được tính là ngày công làm việc thực tế để tính trả lương.

d) Cách xác định hệ số tiền lương (hi):

$$hi = K1 \times K2 \quad (8)$$

* $K1$: Hệ số mức độ hoàn thành công việc (kết quả phân loại được chia thành 3 mức) như sau:

Loại A: Hoàn thành tốt nhiệm vụ $K1 = 1,2$

Loại B: Hoàn thành nhiệm vụ $K1 = 1,0$

Loại C: Không hoàn thành nhiệm vụ $K1 = 0,8$

- K2 : Hệ số đánh giá độ phức tạp và tính trách nhiệm của người thứ i.

BẢNG XÁC ĐỊNH HỆ SỐ K2

STT	CHỨC DANH	HỆ SỐ K2
1	- Chủ tịch HĐQT công ty	2,7
2	- Giám đốc công ty	2,6
3	- Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát công ty	2,3
4	- Kế toán trưởng công ty	2,1

Điều 6. Quỹ lương thực hiện

1. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách được xác định như sau:

$$Q_{thql} = L_{nqlbq} \times TL_{bqth} \times 12 \text{ tháng} \quad (9)$$

Trong đó:

- Q_{thql} : Quỹ tiền lương thực hiện;
- L_{nqlbq} : Số người quản lý công ty chuyên trách thực tế tính bình quân theo tháng;
- TL_{bqth} : Tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách, được xác định theo quy định tại Khoản 2 điều này.

2. Mức tiền lương bình quân thực hiện (TL_{bqth}) của người quản lý công ty chuyên trách được xác định trên cơ sở mức tiền lương kế hoạch gắn với mức độ thực hiện chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:

a) Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch;

b) Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 2%, nhưng tối đa không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

c) Công ty có lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện phải giảm trừ 1% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

d) Khi công ty không có lợi nhuận hoặc lỗ (trừ các yếu tố khách quan tại Điều 7 quy chế này), mức tiền lương bình quân thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định sau khi thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Điều 7. Yếu tố khách quan khi xác định tiền lương

1. Nhà nước điều chỉnh giá, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, tăng hoặc giảm vốn nhà nước, điều chỉnh cơ chế chính sách hoặc yêu cầu công ty di dời, thu hẹp địa điểm sản xuất kinh doanh ảnh hưởng đến chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận của Công ty.

2. Công ty đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, thực hiện chương trình an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ.

3. Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác.

Điều 8. Quyết toán quỹ lương

Căn cứ quỹ lương thực hiện được xác định tại Điều 6 quy chế này và phần tiền lương đã tạm ứng hàng tháng, Công ty xác định phần tiền lương còn lại được hưởng và tổ chức chi trả cho Người quản lý công ty chuyên trách theo công thức (5). Trường hợp đã tạm ứng và chi vượt quỹ tiền lương thực hiện thì Người quản lý công ty phải hoàn trả phần tiền lương đã chi vượt trong năm.

Điều 9. Trả trợ cấp bảo hiểm xã hội.

Người quản lý công ty chuyên trách trong thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn rủi ro ... được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Quỹ thù lao

Quỹ thù lao của Người quản lý công ty không chuyên trách được xác định như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị: Mức thù lao được tính bằng 10% mức tiền lương Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách;

2. Thành viên Ban kiểm soát: Mức thù lao được tính bằng 7% mức tiền lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách;

Điều 11. Tạm ứng và quyết toán thù lao.

1. Hàng tháng Công ty tạm ứng 80% thù lao cho người quản lý công ty không chuyên trách vào kỳ trả lương tháng của Công ty. Mức thù lao tạm ứng căn cứ vào tỷ lệ thù lao quy định tại Điều 10 quy chế này và mức lương kế hoạch của Người quản lý công ty chuyên trách.

2. Quỹ thù lao thực hiện được tính trên cơ sở số người, thời gian làm việc thực tế trong năm; tỷ lệ thù lao quy định tại Điều 10 Quy chế này và tiền lương thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

3. Kết thúc năm, căn cứ quỹ thù lao thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và số tiền thù lao đã tạm ứng hàng tháng, Công ty xác định phần thù lao còn lại và tổ chức chi trả cho Người quản lý công ty không chuyên trách theo thời gian làm việc thực tế trong năm. Trường hợp đã tạm ứng và chi vượt quỹ thù lao thực hiện thì Người quản lý công ty không chuyên trách phải hoàn trả phần tiền lương đã chi vượt trong năm.

Chương IV
QUỸ THƯỞNG VÀ PHÂN PHỐI TIỀN THƯỞNG

Điều 12. Quỹ thưởng

Quỹ thưởng hàng năm của Người quản lý công ty chuyên trách và không chuyên trách được hình thành từ lợi nhuận của Công ty như sau:

1. Trích tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện, nếu lợi nhuận bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch;
2. Trích tối đa không quá 1,0 tháng tiền lương bình quân thực hiện, nếu lợi nhuận thấp hơn lợi nhuận kế hoạch;

Điều 13. Phân phối tiền thưởng

Căn cứ quỹ thưởng hàng năm của Người quản lý công ty chuyên trách và không chuyên trách được trích lập theo quy định tại Điều 12 quy chế này, Công ty tổ chức chi trả cho Người quản lý công ty theo quy định tại quy chế này.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Giám đốc công ty có trách nhiệm:

1. Xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch hàng năm của Người quản lý công ty trình Hội đồng quản trị công ty phê duyệt, để làm cơ sở tạm ứng tiền lương, thù lao theo quy định tại quy chế này.
2. Xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện hàng năm của Người quản lý công ty trình Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Tổ chức chi trả theo quy định tại quy chế này.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 15 điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý Công ty theo quy chế này được tính kể từ ngày 01/01/2016.
2. Quy chế này được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định của Hội đồng quản trị công ty.
3. Trong trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với những quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bui Văn Quang
Bùi Văn Quang